



Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 5 ml

MẪU NHÃN THUỐC

1. Bao bì trực tiếp:
 - Gói 5 ml.



TP. Long Xuyên, ngày 11 tháng 08 năm 2025



DS. Phạm Thị Bích Thủy

MẪU NHÃN THUỐC

10 sachet box x 5 ml
Hộp 10 gói x 5 ml

Mã QR

Ozemgel[®] 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác vì sức khỏe chuyên biệt

Ozemgel[®] 225

Nhôm hydroxid 225 mg/5 ml
Magnesi hydroxid 200 mg/5 ml
Simethicon 25 mg/5 ml

WHO-GMP

Ozemgel[®] 225

AGIMEXPHARM
Cooperates with special strengths

Ozemgel[®] 225

Aluminum hydroxide 225 mg/5 ml
Magnesium hydroxide 200 mg/5 ml
Simethicone 25 mg/5 ml

WHO-GMP

Ozemgel[®] 225

AGIMEXPHARM
Cooperates with special strengths

Ozemgel[®] 225

Aluminum hydroxide 225 mg/5 ml
Magnesium hydroxide 200 mg/5 ml
Simethicone 25 mg/5 ml

WHO-GMP

Ozemgel[®] 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác vì sức khỏe chuyên biệt

Ozemgel[®] 225

Nhôm hydroxid 225 mg/5 ml
Magnesi hydroxid 200 mg/5 ml
Simethicon 25 mg/5 ml

WHO-GMP

Ozemgel[®] 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác vì sức khỏe chuyên biệt

Ozemgel[®] 225

Nhôm hydroxid 225 mg/5 ml
Magnesi hydroxid 200 mg/5 ml
Simethicon 25 mg/5 ml

WHO-GMP

Ozemgel[®] 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác vì sức khỏe chuyên biệt

Ozemgel[®] 225

Nhôm hydroxid 225 mg/5 ml
Magnesi hydroxid 200 mg/5 ml
Simethicon 25 mg/5 ml

WHO-GMP

TP. Long Xuyên, ngày 11 tháng 08 năm 2025

TS. TỔNG GIÁM ĐỐC
P.TGP. Quản Lý Chất Lượng

ĐS: Phạm Thị Bích Thủy



MẪU NHÃN THUỐC

Hộp 30 gói x 5 ml
Mã QR

Ozemgel 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác vì thế mạnh chuyên biệt

Ozemgel[®] 225

Nhôm hydroxid 225 mg/5 ml
Magnesi hydroxid 200 mg/5 ml
Simethicon 25 mg/5 ml

WHO-GMP

Gói 5 ml *Nhũn dịch uống*

Kháng acid dịch vị
Bảo vệ niêm mạc dạ dày

Ozemgel[®] 225

AGIMEXPHARM
Cooperate with special strengths

Ozemgel[®] 225

Aluminum hydroxide 225 mg/5 ml
Magnesium hydroxide 200 mg/5 ml
Simethicone 25 mg/5 ml

WHO-GMP

5 ml sachet *Oral suspension*

Gastric antacid
Stomach mucosa protection

Ozemgel[®] 225

AGIMEXPHARM
Cooperate with special strengths

Ozemgel[®] 225

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone emulsion 30%).....0.5% (w/v)

Indications - Administration - Dosage - Contraindications and other information:
Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and light, below 30°C.

Specification: In house.

SDK/ Reg. No.: 893100109625

**Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use**

SHAKE WELL BEFORE USE

LSX/ Lot: XXXXXX
NSX/ Mfg: XX/XX/XX
HD/ Exp: XX/XX/XX

Marketing authorization holder:
PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward, Cam Le District, Da Nang City, Vietnam
Manufacture:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC.
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet, My Thai Ward, Long Xuyen City, An Giang Province, Vietnam

Ozemgel[®] 225

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng Nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid.....4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng - Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

**Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG

Mã vạch

Cơ sở đăng ký:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất:
Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

TP. Long Xuyên, ngày 11 tháng 08 năm 2025
TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
P.TGD Quản Lý Chất Lượng

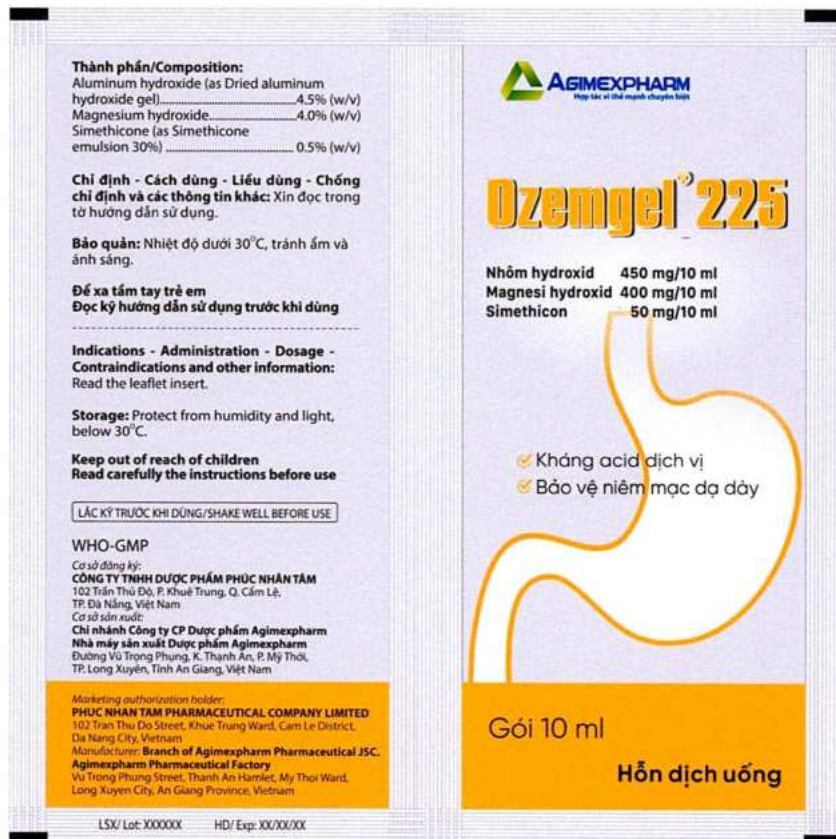
DS. Phạm Thị Bích Thủy



Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 10 ml

MẪU NHÃN THUỐC

1. Bao bì trực tiếp:
- Gói 10 ml.



TP. Long Xuyên, ngày 11 tháng 08 năm 2025



MẪU NHÃN THUỐC

Hộp 10 gói x 10 ml
10 sachet box x 10 ml

Mã QR

Ozemgel[®] 225

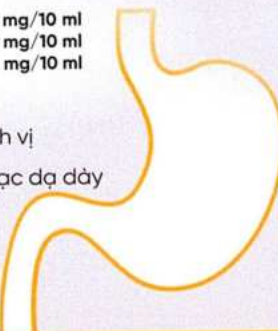
2. Bao bì ngoài:
- Hộp 10 gói x 10 ml.



Ozemgel[®] 225

Nhôm hydroxid 450 mg/10 ml
Magnesi hydroxid 400 mg/10 ml
Simethicon 50 mg/10 ml

- ✓ Kháng acid dịch vị
- ✓ Bảo vệ niêm mạc dạ dày



WHO-GMP

Gói 10 ml
Hỗn dịch uống

Ozemgel[®] 225

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng
Nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid 4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương
Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

**Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng -
Chống chỉ định và các thông tin khác:**
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm
và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

**Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

Mã vạch

Cơ sở đăng ký:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất:
Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới,
TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG/SHAKE WELL BEFORE USE



Ozemgel[®] 225

Aluminum hydroxide 450 mg/10 ml
Magnesium hydroxide 400 mg/10 ml
Simethicone 50 mg/10 ml

- ✓ Gastric antacid
- ✓ Stomach mucosa protection



WHO-GMP

10 ml sachet
Oral suspension

Ozemgel[®] 225

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried
aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone
emulsion 30%).....0.5% (w/v)

**Indications - Administration - Dosage -
Contraindications and other information:**
Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and light,
below 30°C.

Specification: In house.

SDK/ Reg. No.: 893100109625

**Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use**

LSX/ Lot: XXXXXX
NSX/ Mfg: XX/XX/XX
HD/ Exp: XX/XX/XX

Marketing authorization holder:
**PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL
COMPANY LIMITED**

102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward,
Cam Le District, Da Nang City, Vietnam

Manufacturer:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC.
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet,
My Thoi Ward, Long Xuyen City,
An Giang Province, Vietnam



TP. Long Xuyên, ngày 11 tháng 08 năm 2025
TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Quản Lý Chất Lượng
DUỐC PHẨM
AGIMEXPHARM
TP. LONG XUYỀN - AN GIANG
ĐS. Phạm Thị Bích Thủy

Hộp 20 gói x 10 ml
20-sachet box x 10 ml

Mã QR

Ozemgel 225

MẪU NHÃN THUỐC

2. Bao bì ngoài:
- Hộp 20 gói x 10 ml.



Ozemgel 225

Nhôm hydroxid 450 mg/10ml
Magnesi hydroxid 400 mg/10 ml
Simethicon 50 mg/10 ml

- ✓ Kháng acid dịch vị
- ✓ Bảo vệ niêm mạc dạ dày

WHO-GMP

Gói 10 ml
Hỗn dịch uống

Ozemgel 225

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng
Nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid 4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương
Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

**Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng -
Chống chỉ định và các thông tin khác:**
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm
và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

**Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

Mã vạch

Cơ sở đăng ký:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất:
Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới,
TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG/SHAKE WELL BEFORE USE



Ozemgel 225

Aluminum hydroxide 450 mg/10ml
Magnesium hydroxide 400 mg/10 ml
Simethicone 50 mg/10 ml

- ✓ Gastric antacid
- ✓ Stomach mucosa protection

WHO-GMP

10 ml sachet
Oral suspension

Ozemgel 225

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried
aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone
emulsion 30%).....0.5% (w/v)

**Indications - Administration - Dosage -
Contraindications and other information:**
Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and light,
below 30°C.

Specification: In house.

SĐK/ Reg. No.: 893100109625

**Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use**

LSX/ Lot: XXXXXX
NSX/ Mfg: XX/XX/XX
HD/ Exp: XX/XX/XX

Marketing authorization holder:
**PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL
COMPANY LIMITED**
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward,
Cam Le District, Da Nang City, Vietnam
Manufacturer:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC.
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet,
My Thoi Ward, Long Xuyen City,
An Giang Province, Vietnam



MẪU NHÃN THUỐC

2. Bao bì ngoài:
- Hộp 30 gói x 10 ml.

Hộp 30 gói x 10 ml
30-sachet box x 10 ml

MÃ QR

Ozemgel[®] 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác với thế mạnh chuyên biệt

Ozemgel[®] 225

Nhôm hydroxid 450 mg/10ml
Magnesi hydroxid 400 mg/10 ml
Simethicon 50 mg/10 ml

- ✓ Kháng acid dịch vị
- ✓ Bảo vệ niêm mạc dạ dày

WHO-GMP

Gói 10 ml
Hỗn dịch uống

Ozemgel[®] 225

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng
Nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid.....4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương
Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

**Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng -
Chống chỉ định và các thông tin khác:**
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm
và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

**Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

Mã vạch

Cơ sở đăng ký:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất:
Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới,
TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG/SHAKE WELL BEFORE USE

AGIMEXPHARM
Cooperate with special strengths

Ozemgel[®] 225

Aluminum hydroxide 450 mg/10ml
Magnesium hydroxide 400 mg/10 ml
Simethicone 50 mg/10 ml

- ✓ Gastric antacid
- ✓ Stomach mucosa protection

WHO-GMP

10 ml sachet
Oral suspension

Ozemgel[®] 225

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried
aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone
emulsion 30%).....0.5% (w/v)

**Indications - Administration - Dosage -
Contraindications and other information:**
Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and light,
below 30°C.

Specification: In house.

SDK/ Reg. No.: 893100109625

**Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use**

LSX/ Lot: XXXXXX
NSX/ Mfg: XX/XX/XX
HD/ Exp: XX/XX/XX

Marketing authorization holder:
**PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL
COMPANY LIMITED**
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward,
Cam Le District, Da Nang City, Vietnam
Manufacturer:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC.
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet,
My Thoi Ward, Long Xuyen City,
An Giang Province, Vietnam





Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x 15 ml

Hộp 10 gói x 15 ml
Mã vạch
Mã QR

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác với thế mạnh chuyên biệt

Ozemgel® 225

Nhôm hydroxid 675 mg/15ml
Magnesi hydroxid 600 mg/15 ml
Simethicon 75 mg/15 ml

Gói 15 ml *hỗn dịch uống*
Kháng acid dịch vị
Bảo vệ niêm mạc dạ dày

WHO-GMP

Ozemgel® 225

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng
Nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid 4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương
Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

**Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng -
Chống chỉ định và các thông tin khác:**
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm
và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

**Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

Cơ sở đăng ký:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất:
Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới,
TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG/SHAKE WELL BEFORE USE

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Cooperates with special strengths

Ozemgel® 225

Aluminum hydroxide 675 mg/15ml
Magnesium hydroxide 600 mg/15 ml
Simethicone 75 mg/15 ml

15 ml sachet *Oral suspension*
Gastric antacid
Stomach mucosa protection

WHO-GMP

Ozemgel® 225

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried
aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone
emulsion 30%).....0.5% (w/v)

**Indications - Administration - Dosage -
Contraindications and other information:**
Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and light,
below 30°C.

Specification: In house.

SDK/ Reg. No.: 893100109625

**Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use**

LSX/ Lot: XXXXXX
NSX/ Mfg: XX/XX/XX
HD/ Exp: XX/XX/XX

Marketing authorization holder:
**PHÚC NHÂN TÂM PHARMACEUTICAL
COMPANY LIMITED**
102 Trần Thủ Độ Street, Khuê Trung Ward, Cam Le District,
Da Nang City, Vietnam
Manufacturer:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC.
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trọng Phụng Street, Thanh An Hamlet, Mỹ Thới Ward,
Long Xuyên City, An Giang Province, Vietnam



Hộp 20 gói x 15 ml
20-sachet box x 15 ml

Mã vạch
Mã QR

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác với thế mạnh chuyên biệt

Ozemgel® 225

Nhôm hydroxid 675 mg/15ml
Magnesi hydroxid 600 mg/15 ml
Simethicon 75 mg/15 ml

WHO-GMP

Gói 15 ml Nhũ dịch uống
Kháng acid dịch vị
Bảo vệ niêm mạc dạ dày

Ozemgel® 225

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng
Nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid 4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương
Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

**Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng -
Chống chỉ định và các thông tin khác:**
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm
và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

**Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

Cơ sở đăng ký:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHAN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất:
Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thạnh An, P. Mỹ Thới,
TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG/SHAKE WELL BEFORE USE

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Cooperate with special strength

Ozemgel® 225

Aluminum hydroxide 675 mg/15ml
Magnesium hydroxide 600 mg/15 ml
Simethicone 75 mg/15 ml

WHO-GMP

15 ml sachet Oral suspension
Gastric antacid
Stomach mucosa protection

Ozemgel® 225

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried
aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone
emulsion 30%).....0.5% (w/v)

**Indications - Administration - Dosage -
Contraindications and other information:**
Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and light,
below 30°C.

Specification: In house.

SDK/ Reg. No.: 893100109625

**Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use**

LSX/ Lot: XXXXXX
NSX/ Mfg: XX/XX/XX
HD/ Exp: XX/XX/XX

Marketing authorization holder:
**PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL
COMPANY LIMITED**
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward, Cam Le District,
Da Nang City, Vietnam
Manufacturer:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC.
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward,
Long Xuyen City, An Giang Province, Vietnam



Hộp 30 gói x 15 ml
Mã vạch
Mã QR

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác và phát triển chuyên biệt

Ozemgel® 225

Nhôm hydroxid 675 mg/15ml
Magnesi hydroxid 600 mg/15 ml
Simethicon 75 mg/15 ml

WHO-GMP

Gói 15 ml Hỗn dịch uống

Kháng acid dịch vị
Bảo vệ niêm mạc dạ dày

Ozemgel® 225

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng
Nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid 4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương
Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

**Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng -
Chống chỉ định và các thông tin khác:**
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm
và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

**Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

Cơ sở đăng ký:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHÂN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất:
Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới,
TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG/SHAKE WELL BEFORE USE

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Cooperate with special strengths

Ozemgel® 225

Aluminum hydroxide 675 mg/15ml
Magnesium hydroxide 600 mg/15 ml
Simethicone 75 mg/15 ml

WHO-GMP

15 ml sachet Oral suspension

Gastric antacid
Stomach mucosa protection

Ozemgel® 225

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried
aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone
emulsion 30%).....0.5% (w/v)

**Indications - Administration - Dosage -
Contraindications and other information:**
Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and light,
below 30°C.

Specification: In house.

SDK/ Reg. No.: 893100109625

**Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use**

LSX/ Lot: XXXXXX
NSX/ Mfg: XX/XX/XX
HD/ Exp: XX/XX/XX

Marketing authorization holder:
**PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL
COMPANY LIMITED**
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward, Cam Le District,
Da Nang City, Vietnam
Manufacturer:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC.
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet, My Thoi Ward,
Long Xuyen City, An Giang Province, Vietnam





Hộp 1 chai x 60 ml, 100 ml

- Chai 60 ml.

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid.....4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

WHO-GMP
Cơ sở đăng ký: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone emulsion 30%).....0.5% (w/v)

Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use
LSX/ Lot: XXXXXX
NSX/ Mfg: XX/XX/XX
HD/ Exp: XX/XX/XX

Marketing authorization holder:
PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward, Cam Le District, Da Nang City, Vietnam
Manufacturer: Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC,
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet, My Tho Ward, Long Xuyen City, An Giang Province, Vietnam

Ozemgel® 225
Nhôm hydroxid 2,7 g/60 ml
Magnesi hydroxid 2,4 g/60 ml
Simethicon 0,3 g/60 ml

Chai 60 ml **Nhũ dịch uống**
Kháng acid dịch vị
Bảo vệ niêm mạc dạ dày

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG/SHAKE WELL BEFORE USE

2. Bao bì ngoài:

- Hộp 1 chai x 60 ml.

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác với nhà sản xuất chuyên biệt

Chai 60 ml **Nhũ dịch uống**
Kháng acid dịch vị
Bảo vệ niêm mạc dạ dày

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG/SHAKE WELL BEFORE USE

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác với nhà sản xuất chuyên biệt

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid.....4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng - Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

SDK/ Reg. No.: 893100109625

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

WHO-GMP **LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG**
Cơ sở đăng ký: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Chai 60 ml **Nhũ dịch uống**
Kháng acid dịch vị
Bảo vệ niêm mạc dạ dày

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác với nhà sản xuất chuyên biệt

Thành phần:
Nhôm hydroxid 2,7 g/60 ml
Magnesi hydroxid 2,4 g/60 ml
Simethicon 0,3 g/60 ml

Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng - Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

SDK/ Reg. No.: 893100109625

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

WHO-GMP **LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG**
Cơ sở đăng ký: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Chai 60 ml **Nhũ dịch uống**
Kháng acid dịch vị
Bảo vệ niêm mạc dạ dày

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác với nhà sản xuất chuyên biệt

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone emulsion 30%).....0.5% (w/v)

Indications - Administration - Dosage - Contraindications and other information: Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and light, below 30°C.

Specification: In house.

Keep out of reach of children
Read carefully the instructions before use

Mã vạch

WHO-GMP **SHAKE WELL BEFORE USE**
Marketing authorization holder:
PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward, Cam Le District, Da Nang City, Vietnam
Manufacturer:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC,
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet, My Tho Ward, Long Xuyen City, An Giang Province, Vietnam

60 ml bottle **Oral suspension**
Gastric antacid
Stomach mucosa protection

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM
Hợp tác với nhà sản xuất chuyên biệt

Composition:
Aluminum hydroxide 2,7 g/60 ml
Magnesium hydroxide 2,4 g/60 ml
Simethicone 0,3 g/60 ml

Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng - Chống chỉ định và các thông tin khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

SDK/ Reg. No.: 893100109625

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

WHO-GMP **SHAKE WELL BEFORE USE**
Marketing authorization holder:
PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward, Cam Le District, Da Nang City, Vietnam
Manufacturer:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC,
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet, My Tho Ward, Long Xuyen City, An Giang Province, Vietnam

60 ml bottle **Oral suspension**
Gastric antacid
Stomach mucosa protection

XX/XX/XX:XX/XX/XX
NSX/Mfg:XX/XX/XX
XXXXXX:LSX/Lot

TP. Long Xuyên, ngày 11.. tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM
ĐS. Phạm Thị Bích Thủy

MẪU NHÃN THUỐC

1. Bao bì trực tiếp:
 - Chai 100 ml.

2. Bao bì ngoài:
 - Hộp 1 chai x 100 ml.

1-bottle box x 100 ml

Mã QR

Ozemgel® 225

AGIMEXPHARM

Hợp tác vì sức mạnh chuyên biệt

Ozemgel® 225

Nhôm hydroxid 4,5 g/100 ml
Magnesi hydroxid 4 g/100 ml
Simethicon 0,5 g/100 ml

Chai 100 ml

Nhân dịch uống

Kháng acid dịch vị

Bảo vệ niêm mạc dạ dày

Thành phần:
Nhôm hydroxid (dưới dạng
Nhôm hydroxid gel khô).....4,5% (kl/tt)
Magnesi hydroxid.....4,0% (kl/tt)
Simethicon (dưới dạng nhũ tương
Simethicon 30%).....0,5% (kl/tt)

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng
trước khi dùng

LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG/SHAKE WELL BEFORE USE

WHO-GMP
Cơ sở đăng ký: CÔNG TY TNHH
DƯỢC PHẨM PHÚC NHÃN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung,
Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty CP
Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất
Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An,
P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên,
Tỉnh An Giang, Việt Nam

AGIMEXPHARM

Hợp tác vì sức mạnh chuyên biệt

Ozemgel® 225

Nhôm hydroxid 4,5 g/100 ml
Magnesi hydroxid 4 g/100 ml
Simethicon 0,5 g/100 ml

Chai 100 ml

Nhân dịch uống

Kháng acid dịch vị

Bảo vệ niêm mạc dạ dày

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried
aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone
emulsion 30%).....0.5% (w/v)

Keep out of reach of children
Read carefully the instructions
before use

LSK/ Lot: XXXXXX
NSA/ Mfg: XXXXXX
HD/ Exp: XXXXXX

Marketing authorization holder:
PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL
COMPANY LIMITED
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward,
Cam Le District, Da Nang City, Vietnam
Manufacturer: Branch of Agimexpharm
Pharmaceutical JSC.
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet,
My Thoi Ward, Long Xuyen City,
An Giang Province, Vietnam

AGIMEXPHARM

Hợp tác vì sức mạnh chuyên biệt

Ozemgel® 225

Nhôm hydroxid 4,5 g/100 ml
Magnesi hydroxid 4 g/100 ml
Simethicon 0,5 g/100 ml

Chỉ định - Cách dùng - Liều dùng -
Chống chỉ định và các thông tin
khác: Xin đọc trong tờ hướng dẫn
sử dụng.

Bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh
ẩm và ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng
trước khi dùng

SDK/ Reg. No.: 893100109625

WHO-GMP
Cơ sở đăng ký:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÃN TÂM
102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Cơ sở sản xuất:
Chi nhánh Công ty CP
Dược phẩm Agimexpharm
Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm
Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thanh An, P. Mỹ Thới,
TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

AGIMEXPHARM

Hợp tác vì sức mạnh chuyên biệt

Ozemgel® 225

Aluminum hydroxide 4.5 g/100 ml
Magnesium hydroxide 4 g/100 ml
Simethicone 0.5 g/100 ml

100 ml bottle

Oral suspension

Gastric antacid

Stomach mucosa protection

Composition:
Aluminum hydroxide (as Dried
aluminum hydroxide gel).....4.5% (w/v)
Magnesium hydroxide.....4.0% (w/v)
Simethicone (as Simethicone
emulsion 30%).....0.5% (w/v)

Indications - Administration -
Dosage - Contraindications and other
information: Read the leaflet insert.

Storage: Protect from humidity and
light, below 30°C.

Specification: In house.

Keep out of reach of children
Read carefully the instructions
before use

Mã vạch

WHO-GMP
Marketing authorization holder:
PHUC NHAN TAM PHARMACEUTICAL
COMPANY LIMITED
102 Tran Thu Do Street, Khue Trung Ward,
Cam Le District, Da Nang City, Vietnam
Manufacturer:
Branch of Agimexpharm Pharmaceutical JSC.
Agimexpharm Pharmaceutical Factory
Vu Trong Phung Street, Thanh An Hamlet,
My Thoi Ward, Long Xuyen City,
An Giang Province, Vietnam

SHAKE WELL BEFORE USE

TP. Long Xuyên, ngày 11. tháng 08 năm 2025
TL TÔNG GIÁM ĐỐC
P. Quản Lý Chất Lượng
DUỐC PHẨM
AGIMEXPHARM
TP. LONG XUYỀN AN GIANG
Phạm Thị Bích Thủy

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

OZEMGEL® 225

Lắc kỹ trước khi dùng

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

Thành phần công thức:

Thành phần hoạt chất:

Nhôm hydroxid (dưới dạng Nhôm hydroxid gel khô)..... 4,5% (kl/tt)

Magnesi hydroxid 4,0% (kl/tt)

Simethicon (dưới dạng nhũ tương Simethicon 30%) 0,5% (kl/tt)

Thành phần tá dược: Xanthan gum, Methylparaben, Propylparaben, Propylen glycol, Menthol, Sorbitol, Acid citric monohydrat, Nước tinh khiết.

Dạng bào chế: Hỗn dịch sệt, trắng đục và đồng nhất, có vị ngọt và mùi thơm dễ chịu.

Chỉ định:

Làm giảm triệu chứng ợ nóng, ợ chua, khó tiêu do acid dịch vị. Các triệu chứng đầy hơi, khó tiêu.

Cách dùng, liều dùng:

Cách dùng: Dùng đường uống. Lắc kỹ trước khi sử dụng.

Liều dùng:

Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên: Uống giữa các bữa ăn và trước khi đi ngủ hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ với liều như sau:

Gói 5 ml	Gói 10 ml	Gói 15 ml	Chai 60 ml hoặc 100 ml
2 – 4 gói	1 – 2 gói	1 gói	10 – 20 ml

Không uống quá 60 ml trong 24 giờ hoặc uống liều tối đa hơn 2 tuần.

Người già: Không cần điều chỉnh liều ở người lớn tuổi.

Trẻ em dưới 5 tuổi: Tối đa không quá 5 ml/lần, 3 lần/ngày.

Trẻ em dưới 12 tuổi: Uống theo tỷ lệ thích hợp của liều người lớn và hỏi ý kiến của bác sĩ trước khi dùng.

Một số lưu ý đặc biệt về xử lý thuốc trước và sau khi sử dụng thuốc:

Không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.

Chống chỉ định:

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Người bị suy nhược nghiêm trọng, suy thận hoặc giảm phosphat máu.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Nhôm hydroxid có thể gây táo bón và quá liều muối magnesi có thể gây giảm nhu động ruột, uống thuốc này với một lượng lớn có thể gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình trạng nghẽn và tắc ruột ở những bệnh nhân có nguy cơ cao hơn như người bị suy thận hoặc người cao tuổi.

Nhôm hydroxid không được hấp thu nhiều qua đường tiêu hóa do đó hiếm gặp tác dụng toàn thân ở

những bệnh nhân có chức năng thận bình thường. Tuy nhiên, liều quá cao hoặc sử dụng trong thời gian dài, hoặc thậm chí liều bình thường ở những bệnh nhân có chế độ ăn ít phospho có thể dẫn đến suy giảm phosphat (do liên kết nhôm-phosphat) kèm theo tăng tái hấp thu xương và tăng calci niệu với nguy cơ nhuyễn xương. Trường hợp sử dụng lâu dài hoặc ở những bệnh nhân có nguy cơ thiếu hụt phosphat cần phải được tư vấn của chuyên gia y tế.

Ở bệnh nhân suy thận, nồng độ nhôm và magesi trong huyết tương đều tăng. Ở những bệnh nhân này, việc uống lâu dài với liều cao muối nhôm và magesi có thể dẫn đến bệnh não, sa sút trí tuệ, thiếu máu hồng cầu nhỏ hoặc làm trầm trọng thêm chứng nhuyễn xương do lọc máu.

Nhôm hydroxid không an toàn ở những bệnh nhân mắc chứng rối loạn chuyển hóa porphyrin đang chạy thận nhân tạo. Nên tránh sử dụng thuốc kháng acid kéo dài ở bệnh nhân suy thận.

Ở trẻ nhỏ, việc sử dụng magesi hydroxid có thể gây tăng magesi máu, đặc biệt nếu bị suy thận hoặc mất nước.

Cảnh báo tá dược:

Thuốc có chứa sorbitol, các bệnh nhân có vấn đề di truyền hiếm gặp về không dung nạp fructose không nên dùng thuốc này.

Thuốc này có chứa methylparaben và propylparaben, có thể gây ra các phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).

Thuốc này có chứa 5,3 mg propylen glycol trong mỗi ml.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ có thai:

Không có dữ liệu về việc sử dụng thuốc này ở phụ nữ mang thai. Không biết thuốc có an toàn khi sử dụng trong thời kỳ mang thai hay không. Chỉ nên dùng thuốc nếu những lợi ích vượt trội so với nguy cơ có thể xảy ra, bao gồm cả những nguy cơ đối với thai nhi.

Thời kỳ cho con bú:

Do khả năng hấp thụ của mẹ hạn chế, khi được sử dụng theo khuyến cáo, muối nhôm hydroxid và magesi kết hợp, một lượng nhỏ sẽ được bài tiết vào sữa mẹ.

Simethicon không được hấp thụ qua đường tiêu hóa.

Không có ảnh hưởng đến trẻ sơ sinh/trẻ sơ sinh bú sữa mẹ do nhôm hydroxid, magesi hydroxid và simethicon tác động đến phụ nữ cho con bú là không đáng kể.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Tương tác của thuốc với các thuốc khác và các loại tương tác khác:

Không nên dùng đồng thời thuốc này với các thuốc khác trong vòng 1 giờ vì sẽ cản trở sự hấp thu.

Thuốc có chứa nhôm có thể ngăn cản sự hấp thu kịp thời của các thuốc như tetracyclin, vitamin, ciprofloxacin, ketoconazol, hydroxycloquin, cloroquin, clorpromazin, rifampicin, cefdinir, cefpodoxim, levothyroxin, rosuvastatin, thuốc kháng H₂, atenolol, cyclines, diflunisal, digoxin, bisphosphonates, ethambutol, fluoroquinolones, natri florua, glucocorticoid, indomethacin, isoniazid, lincosamid, metoprolol, thuốc an thần kinh phenothiazin, penicillamin, propranolol và muối sắt.

Levothyroxin liên kết với simethicon có thể làm chậm hoặc giảm hấp thu levothyroxin.

Polystyren sulphonat: Nên thận trọng khi sử dụng đồng thời với polystyren sulphonat do nguy cơ tiềm ẩn làm giảm hiệu quả của resin trong việc liên kết kali, nhiễm kiềm chuyển hóa ở bệnh nhân

suy thận (đối với nhôm hydroxid và magnesi hydroxid) và tắc ruột (đối với nhôm hydroxid).

Quinidin: Sử dụng đồng thời các thuốc chứa nhôm với quinidin có thể làm tăng nồng độ quinidin trong huyết thanh và dẫn đến quá liều quinidin.

Tetracyclin: Do có chứa nhôm, không nên dùng đồng thời thuốc này với kháng sinh chứa tetracyclin hoặc muối tetracyclin.

Citrat: Nhôm hydroxid và citrat có thể dẫn đến tăng nồng độ nhôm, đặc biệt ở bệnh nhân suy thận.

Kiểm hóa nước tiểu thứ phát sau khi sử dụng magnesi hydroxid có thể làm thay đổi sự bài tiết của một số loại thuốc, do đó tăng bài tiết salicylat đã được báo cáo.

Tương kỵ của thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

Tác dụng không mong muốn:

Các phản ứng có hại được phân nhóm theo tần suất: Rất thường gặp ($ADR \geq 1/10$), thường gặp ($1/100 \leq ADR < 1/10$), ít gặp ($1/1.000 \leq ADR < 1/100$), hiếm gặp ($1/10.000 \leq ADR < 1/1.000$), rất hiếm gặp ($ADR < 1/10.000$); không thể ước lượng tần suất được liệt kê "Chưa rõ tần suất".

Rối loạn hệ thống miễn dịch

Chưa rõ tần suất: Phản ứng quá mẫn bao gồm ngứa, mày đay, phù mạch và sốc phản vệ.

Rối loạn tiêu hóa:

Ít gặp: Tiêu chảy hoặc táo bón.

Chưa rõ tần suất: Đau bụng.

Tổn thương, nhiễm độc và biến chứng sau thủ thuật:

Chưa rõ tần suất: Tăng alumin huyết (liên quan đến nhôm).

Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng:

Hiếm gặp: Tăng magnesi máu sau khi sử dụng magnesi hydroxid kéo dài cho bệnh nhân suy thận.

Chưa rõ tần suất: Tăng albumin huyết.

Hướng dẫn cách xử trí ADR

Ngừng sử dụng thuốc, trường hợp xảy ra phản ứng dị ứng nặng phải đưa bệnh nhân đến ngay bệnh viện để cấp cứu kịp thời.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ các tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc hoặc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR) Quốc Gia.

Quá liều và cách xử trí:

Quá liều:

Các triệu chứng nghiêm trọng ít xảy ra sau khi dùng quá liều.

Các triệu chứng quá liều cấp tính của sự kết hợp của muối nhôm hydroxid và magnesi bao gồm:

Tiêu chảy, đau bụng, nôn mửa.

Xử trí:

Nhôm và magnesi được thải trừ qua đường tiết niệu, điều trị quá liều cấp tính bao gồm tiêm tĩnh mạch calci gluconat, bù nước và lợi tiểu cưỡng bức. Trong trường hợp suy giảm chức năng thận, chạy thận nhân tạo hoặc thẩm phân phúc mạc là cần thiết.

Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Thuốc điều trị các rối loạn liên quan đến acid – Thuốc kháng acid có chất chống đầy hơi.
Mã ATC: A02AF02.

Ozemgel 225 là kết hợp cân bằng của hai chất kháng acid và chất chống đầy hơi/chống tạo bọt simethicon. Hai chất kháng acid là magnesi hydroxid tác dụng nhanh và nhôm hydroxid tác dụng chậm. Sự kết hợp tạo ra một tác dụng khởi đầu nhanh chóng và tăng tổng thời gian đệm. Tác dụng này được cân bằng bởi tác dụng của magnesi hydroxid, một chất phổ biến với các muối magnesi khác có thể gây tiêu chảy.

Đặc tính dược động học:

Không có dữ liệu.

Quy cách đóng gói:

Ép gói nhôm, gói 5 ml, 10 ml hoặc 15 ml. Hộp 10 gói, 20 gói hoặc 30 gói.

Chai thủy tinh chứa 60 ml hoặc 100 ml. Hộp 1 chai.

Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.

Hạn dùng của thuốc: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Thuốc sau khi mở nắp được bảo quản cùng điều kiện trên và có thể sử dụng trong vòng 10 ngày.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.



Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Phúc Nhân Tâm

102 Trần Thủ Độ, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy sản xuất

Dược phẩm Agimexpharm

Đường Vũ Trọng Phụng, K. Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

An Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2025

TL. Tổng giám đốc

PTGD, Quản lý Chất lượng



Ds. Phạm Thị Bích Thủy